TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:73/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 26-9-2023
"*Về việc xin ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

Ông Nguyễn Văn Bảy

-***Thư ký phiên tòa***:BàPhan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 26tháng 9năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:184/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 30tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: **Chị Mai Thị M**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện trú: Số H, Khu phố C, Trương Thị H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

* ***Bị đơn:*** **Anh Hồ Văn N**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị *Mai Thị M*trình bày*: Nguyên vào năm 2013, chị và anh Hồ Văn Nkết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuậnvào ngày 18/01/2013 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận ở được thời gian đầu; đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được dù gia đình hai bên đã khuyên bảo, hàn gắn nhiều lần, nên chịđã ly thân với anh Ntừ cuối năm 2014 đến nay. Kể từ đó, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến nhau. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn N.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Phú Q, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống với cha. Sau khi ly hôn, chị tự nguyện giao cháu Qcho anh Nđược trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Mai Thị Mcó đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hồ Văn Nvắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt,bị đơn anh Hồ Văn Nđược triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Nguyên vào năm 2013, chị Mai Thị M và anh Hồ Văn N xây dựng hôn nhân với nhaucó đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/01/2013.Vì vậy quan hệ hôn nhân giữachị M và anh Nlà hôn nhânhợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị Mcho rằng vợ chồng sống hòa thuận được thời gian đầu đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được dù gia đình hai bên đã khuyên bảo, hàn gắn nhiều lần nên chị đã ly thân với anh Ntừ cuối năm 2014 đến nay. Kể từ đó, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến nhau; do đó, chị yêu cầu xin ly hôn với anh N. Anh N đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việcchị Myêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:Hồ P, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống với anh N, chị tự nguyện giao cháu Qcho anh Ntiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2023,cháu Qcó nguyện vọng sống với anh Nnếu chị Mvà anh Nly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chungQcho anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nchưa yêu cầu nên không xem xét.

[4]Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí:chị Mphải nộpán phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị M.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị M được ly hôn với anh Hồ Văn N.

2/Vềcon chung: Giao con chung Hồ P , sinh ngày 16/5/2013cho anh Hồ Văn Nđược tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:anh Nchưa yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về án phí: chị Mai Thị Mphải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0001113 ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoạc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;
-UBND xãĐa Kai
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tám